TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-PT
Ngày 24 tháng 4 năm 2023
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Điêu Thị Bích Lượt.
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Huyền
Ông Hoàng Tiến Dũng
Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLPT-DS ngày 06/02/2023 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2022/DS-ST ngày 24/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-PT ngày 28/3/2023 và quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị K**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Khu 3, phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1955;
Địa chỉ: Đội 12, xã Trưng V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ;
(Theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2021).
Bị đơn: Ông **Lê Văn Q**, sinh năm 1952;
Và bà **Vũ Thị V**, sinh năm 1951; (Là vợ chồng);
Địa chỉ: Tổ 12, khu 2, phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1.**UBND thành phố Việt T**, tỉnh Phú Thọ;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Ngọc L**
Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ;
2. **UBND phường Vân P**, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Văn C**, sinh năm: 1981;

Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ;

(Ông P, ông Q, bà V có mặt, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt)

Người kháng cáo: Chị Lê Thị K là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị K và các lời khai tiếp theo cũng như, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P đều trình bày như sau:

Gia đình chị Lê Thị K có thửa đất số 410, tờ bản đồ số 25, diện tích là 764m^2 (trong đó đất ở 300m^2 đất ở, 464m^2 đất vườn), tại khu 3, phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 26/8/2002, mang tên hộ bà Lê Thị K (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đây viết tắt là: GCNQSD đất). Nhưng thực tế thì thửa đất của hộ chị K có diện tích là 932,4m^2.

Ngày 01/6/2018, chị Lê Thị K đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê Văn Q, bà Vũ Thị V diện tích đất là 544,9m^2, có đường đi ở phía cuối của thửa đất, không phải phần đất giáp ranh với diện tích đất mà Nhà nước thu hồi là 220m^2. Như vậy, sau khi chị K chuyển nhượng cho vợ chồng ông Q, bà V diện tích đất là 544,9m^2 thì diện tích đất còn lại của chị K là 387,5m^2. Ngày 29/8/2019 UBND thành phố Việt T thu hồi của chị K diện tích đất là 220m^2 để thực hiện dự án nút giao với đường Hùng V đến khu di tích Đền H (đường Nguyễn Tất T kéo dài). Nên chị K vẫn còn diện tích đất là 167,5m^2. Diện tích đất này hiện nay vợ chồng ông Q, bà V đang quản lý, sử dụng.

Nay phía nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Buộc vợ chồng ông Q, bà V trả lại cho chị K diện tích đất đã lấn chiếm là 167,5 m^2, phần diện tích đất này giáp ranh với diện tích đất mà Nhà nước đã thu hồi để làm đường.

Trường hợp nhà nước cấp giấy chứng nhận cho ông Q, bà V chồng lấn lên diện tích 167,5 m^2 của gia đình chị K thì Đề nghị hủy GCNQSD đất của ông Q, bà V. Vì, vợ chồng ông Q, bà V đã tự ý làm thủ tục để đề nghị Nhà nước cấp GCNQSD đất không đúng vị trí, mốc giới theo thỏa thuận.

Đề nghị Tòa án giải quyết việc UBND thành phố Việt T thu hồi diện tích đất 220m^2 của gia đình chị K làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp, vì quá trình thu hồi đất có nhiều thiếu sót, chị K không được giao nhận hồ sơ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ. Ngày 05/11/2021, phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện này, không đề nghị Tòa án giải quyết nữa.

Bị đơn là vợ chồng ông Lê Văn Q, bà Vũ Thị V trình bày như sau:

Vợ chồng ông Lê Văn Q, bà Vũ Thị V không nhất trí với toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của chị Lê Thị K cũng như lời trình bày của người đại diện hợp pháp cho chị K là ông Nguyễn Văn P với nội dung sau:

Chị Lê Thị K được Nhà nước cấp cho quyền sử dụng thửa đất số 410, tờ bản đồ số 25, diện tích là 764m^2 (trong đó đất ở 300m^2 đất ở, 464m^2 đất vườn), tại khu 3, phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. Sau đó chị K được Nhà nước thông báo thu hồi một phần diện tích đất là 220m^2 để làm đường Nguyễn Tất T kéo dài, diện tích đất còn lại của chị K là 544m^2. Sau đó, chị K đã chuyển nhượng diện đất còn lại là 544,9m^2 cho vợ chồng ông Q, bà V. Hai bên đã thống nhất và làm Hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng Công chứng Kim Đ. Sau đó, vợ chồng ông Q, bà V đã được UBND thành phố Việt T cấp GCNQSD đất, đúng với diện tích đất mà chị K đã chuyển nhượng là 544m^2. Như vậy, theo Giấy chứng nhận mà Nhà nước cấp cho chị K, thì chị K không còn diện tích đất nào cả. Việc chị K đòi lại diện tích đất 167,5m^2 là không có căn cứ vì diện tích đất mà vợ chồng ông Q, bà V đang sử dụng đã được Nhà nước cấp GCNQSD đất theo đúng diện tích đất trong hợp đồng chuyển nhượng là 544,9m^2. Phần diện tích đất 544,9m^2 mà vợ chồng ông Q, bà V nhận chuyển nhượng của chị K là phần đất tiếp giáp với diện tích đất mà Nhà nước đã thu hồi của chị K là 220m^2 (đất vườn). Khi các bên mua bán với nhau thì đã có Thông báo của Nhà nước về việc thu hồi diện tích 220m^2 đất vườn của chị K để làm đường. Sau khi nhà nước cấp GCNQSD đất cho ông Q, bà V thì nhà nước đã bàn giao đất và cắm mốc giới cụ thể diện tích đất 544,9m^2 cho ông Q, bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Việt T đại diện theo ủy quyền ông Trần Ngọc L trình bày: Gia đình chị Lê Thị K được Nhà nước cấp cho quyền sử dụng đất có diện tích là 764m^2, (trong đó 300m^2 đất ở và 464m^2 đất vườn), tại khu 3, phường Vân P, thành phố Việt T. Sau đó, Nhà nước đã thu hồi diện tích đất là 220m^2 của hộ chị K để làm đường Nguyễn Tất T kéo dài. Phần diện tích còn lại chị K đã chuyển nhượng toàn bộ cho vợ chồng ông Q, bà V, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng Công chứng Kim Đ. Việc chuyển nhượng là đúng quy định của pháp luật nên đã được UBND thành phố Việt T cấp GCNQSD đất cho ông Q, bà V diện tích là 544,9m^2, việc UBND thành phố Việt T cấp GCNQSD đất là đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ để xem xét yêu cầu của phía nguyên đơn về việc đề nghị hủy GCNQSD đất của ông Q và bà V.

Phần diện tích 176,3m^2 phía sau phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Q, bà V, thì quan điểm của UBND thành phố Việt T chưa hợp thức, xem xét cấp cho bất kỳ hộ gia đình nào khác.

Về diện tích đất đã bồi thường 220m^2 của hộ chị K để làm đường mà nay còn thừa và giáp ranh với đường Nguyễn Tất T và giáp ranh với diện tích của ông Q, bà V thì thuộc quyền quản lý của Nhà nước và nhà nước vẫn chưa xem xét để hợp thức và cấp quyền sử dụng cho bất kỳ hộ gia đình nào.

Nay các bên có tranh chấp, quan điểm của UBND thành phố Việt T là đề nghị Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường Vân P, thành phố Việt T đại diện thao ủy quyền ông Hoàng Văn C trình bày: Theo hồ sơ địa chính cho thấy thửa đất 410, tờ bản đồ số 25, diện tích 764m^2 (trong đó 300m^2 đất ở, 464m^2 đất vườn), tại khu 3, phường Vân P, thành phố Việt T thuộc quyền sử dụng của hộ chị Lê Thị K. Năm 2002 thửa đất đã được UBND thành phố Việt T cấp Giấy chứng nhận số S675344 ngày 26/8/2002 mang tên chị Lê Thị K. Ngày 23/4/2018, UBND thành phố Việt T ra Thông báo số: 462/TB-UBND về việc thu hồi 220m^2 đất vườn của chị K để thực hiện dự án đường Nguyễn Tất T kéo dài. Như vậy, hộ chị K chỉ còn diện tích đất là 544m^2. Ngày 01/6/2018 chị K đã chuyển nhượng phần diện tích đất còn lại là 544m^2 (không thuộc phần dự kiến mà nhà nước thu hồi 220m^2) cho vợ chồng ông Lê Văn Q, bà Vũ Thị V. Đến ngày 28/10/2019, ông Q, bà V đã được UBND thành phố Việt T cấp GCNQSD đất số CQ519836, thửa đất số 410, tờ bản đồ số 25, diện tích là 544,9m^2 (trong đó 300m^2 đất ở và 244,9m^2 đất vườn), tại khu 3, phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận UBND phường đã cắm mốc giới cụ thể cho ông Quyền, bà V.

Đối với phần diện tích đất Nhà nước đã thu hồi là 220m^2 của chị K để làm đường Nguyễn Tất T kéo dài, được thiết kế dưới dạng chân tả luy để bảo vệ công trình, tuy nhiên trong quá trình thi công không sử dụng đến (do các hộ gia đình đã san hạ đất nền) nằm về phía trước đất của ông Q, bà V.

Nay các bên có tranh chấp, quan điểm của UBND phường Vân P, thành phố Việt T là đề nghị Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2022/DS-ST ngày 24/10/2022, Tòa án nhân dân (TAND) thành phố Việt T đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 202, 203 của Luật Đất đai; Khoản 1 Điều 147; Điều 155, 156, 157, 158, 163, 164, 165, 166, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, 3, 4 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị K về việc yêu cầu hộ ông Lê Văn Q, bà Vũ Thị V phải lại diện tích đất lấn chiếm là 167,5 m^2, phần diện tích đất này giáp ranh với diện tích đất mà Nhà nước đã thu hồi 220m^2 để làm đường Nguyễn Tất T kéo dài, tại khu 3, phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND TP.Việt T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 28/10/2019 mang tên ông Lê Văn Q, bà Vũ Thị V, ở khu 3, phường Vân P, TP.Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/11/2022 chị Lê Thị K kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2022/DS-ST ngày 24/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố Việt T vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng các lý do chị K đề nghị hủy ban án: Hội đồng xét xử không khách quan, không xác minh chứng cứ, không đánh gía đúng bản chất chứng cứ, chủ tọa không tuân thủ thủ tục tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị xét xử lại theo hướng xác định vị trí diện tích đất 764m^2 của thửa đất số 410, tờ bản đồ số 25 đúng với vị trí ghi trong bìa đỏ năm 2002, xác nhận diện tích đất dôi dư của gia đình chị chị K giáp với đất ông Hồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông P là đại diện theo uỷ quyền của chị chị Lê Thị K giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và những căn cứ kháng cáo, ông P bổ sung căn cứ kháng cáo đề nghị huỷ bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2022/DS-ST ngày 24/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố Việt T vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì:

Toà án cấp sơ thẩm không cho ông sao chụp, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Tại phiên toà sơ thẩm ông đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên toà án cấp sơ thẩm không cho ông thay đổi;

Bản án sơ thẩm toà án nhân dân thành phố Việt T không giao cho ông đúng thời hạn quy định của pháp luật;

Không đưa người có quyền lợi, nghiã vụ liên quan là bố, mẹ chị K vào tham gia tố tụng;

Không đưa người làm chứng là những người cùng sinh sống cạnh thửa đất của chị K vào tham gia trong vụ án.

Việc xem xét thẩm định tại chỗ của toà án cấp sơ thẩm qua loa, chưa đến nơi đến trốn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q, bà V không nhất trí với kháng cáo của chị K, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

(Chi tiết tại bài phát biểu của Kiểm sát viên lưu hồ sơ vụ án)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của chị Lê Thị K là nguyên đơn trong hạn luật định, đơn

hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Nội dung kháng cáo của chị K có 02 nội dung: Thứ nhất đề nghị toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong phạm vi xét xử của bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét nội dung này theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung thứ hai: Đề nghị xét xử lại theo hướng xác định vị trí diện tích đất 764m^2 của thửa đất số 410, tờ bản đồ số 25 đúng với vị trí ghi trong bìa đỏ năm 2002, xác nhận diện tích đất dôi dư của gia đình chị K giáp với đất ông Hồng nội dung kháng cáo này vượt quá phạm vi xét xử của bản án sơ thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2022/DS-ST ngày 24/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố Việt T vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm ông P trình bày phiên toà sơ thẩm ông xin thay đổi yêu cầu khởi kiện nhưng không được Hội đồng xét xử sơ thẩm đồng ý, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông P hoặc chị K, biên bản phiên toà không thể hiện ông P có yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện, sau khi xét xử xong ông P cũng không có đơn kháng cáo đối với nội dung này nên lời trình bày của ông P không có căn cứ xem xét.

Trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện toà án cấp sơ thẩm không cho ông P sao chụp tài liệu, chứng cứ, tại phiên toà ông P trình bày các buổi tiếp cận công khai chứng cứ của toà án ông đều có mặt nên nội dung trình bày của ông P trên không có căn cứ pháp lý để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Ông P có mặt tại phiên toà sơ -thẩm ông đã được Chủ toạ phiên toà phổ biến quyền và nghĩa vụ trong đó có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, việc cấp sơ thẩm giao bản án cho ông không đúng hạn luật định, nhưng cũng không xâm phạm đến quyền kháng cáo của ông nên không có căn cứ để huỷ bản án sơ thẩm đối với lý do mà ông P đưa ra. Ông P còn cho rằng bản án đưa thiếu người tham gia tố tụng là bố, mẹ chị K là người tặng cho chị K đất và đưa thiếu người làm chứng là những người sinh sống cùng khu dân cư với chị K, Hội đồng xét xử xét thấy, vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa chị K với ông Q, bà V. Chị K đã được bố, mẹ tặng cho thửa đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tranh chấp đất giữa chị K với ông Q, bà V không có liên quan gì đến quyền lợi của bố, mẹ chị K nên việc TAND thành phố Việt T không đưa bố, mẹ chị K vào tham gia tố tụng là phù hợp với pháp luật. Quá trình sử dụng đất của chị K đã thể hiện rất rõ trong các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên cũng không cần thiết phải đưa những người làm chứng là những người sinh sống cùng khu dân cư với chị K vào tham gia trong vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ thể hiện ngày 26/8/2002, UBND thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ cấp GCNQSD đất mang tên chị Lê Thị K; theo đó chị K được quyền sử dụng thửa đất số 410, tờ bản đồ số 25, diện tích là 764m^2 (trong đó 300m^2 đất ở, 464m^2 đất vườn), ở tại khu 3, phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ; nguồn gốc đất do ông cha để lại từ năm 1987 và đã chia cho các con. Ngày 23/4/2018, UBND thành phố Việt T ra Thông báo số: 462/TB-UBND về việc thu hồi 220m^2 đất vườn của chị K để thực hiện dự án đường Nguyễn Tất T kéo dài. Đến ngày 01/6/2018 chị K đã chuyển nhượng phần diện tích đất còn lại là 544,9m^2 (không thuộc phần diện tích đất vườn là 220m^2 mà nhà nước dự kiến thu hồi của chị K) cho vợ chồng ông Lê Văn Q, bà Vũ Thị V; Hợp đồng chuyển nhượng do các bên lập tại Văn phòng Công chứng Kim Đ, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. Đến ngày 28/10/2019, ông Q, bà V đã được UBND thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ cấp GCNQSD đất số CQ519836, thửa đất số 410, tờ bản đồ số 25, diện tích là 544,9m^2 (trong đó 300m^2 đất ở, 244,9m^2 đất vườn), tại khu 3, phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ và đã được nhà nước bàn giao vị trí, mốc giới thửa đất, như vậy phần diện tích đất của chị K được nhà nước giao cho sử dụng đã bị nhà nước thu hồi, phần diện tích còn lại chị K đã bán hết cho ông Q, bà V. Về mặt pháp lý chị K không còn quyền sử dụng hợp pháp bất kỳ diện tích đất nào đối với thửa đất số 410, tờ bản đồ số 25, ở tại khu 3, phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. Toàn bộ diện tích 764m^2 của thửa đất số 410, tờ bản đồ số 25 chị K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị K đã định đoạt hết.

Phần diện tích 167.5m^2 chị K khởi kiện và diện tích đo thực tế 176,3m^2 chị K cho rằng phần diện tích đất này là thuộc quyền sử dụng của gia đình chị nằm ở giữa đất chị chuyển nhượng cho ông Q và diện tích đất nhà nước thu hồi mà hiện nay gia đình nhà ông Q, bà V chiếm của chị. Tuy nhiên, chị K không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khẳng định phần diện tích 167,5m^2 thuộc quyền sử dụng của mình do vậy cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của chị K là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với nội dung kháng cáo đề nghị xét xử lại theo hướng xác định vị trí diện tích đất 764m^2 của thửa đất số 410, tờ bản đồ số 25 đúng với vị trí ghi trong bìa đỏ năm 2002, xác nhận diện tích đất dôi dư của gia đình chị K giáp với đất ông Hồng. Nội dung kháng cao này vượt quá phạm vi của bản án sơ thẩm nên hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên toà phúc thẩm ông P không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên kháng cáo của chị K đề nghị huỷ bản án sơ thẩm không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên chị K phải chịu

án phí phúc thẩm.

Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2022/DS-ST ngày 24/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố Việt T tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 202, 203 của Luật Đất đai; Khoản 1 Điều 147; Điều 155, 156, 157, 158, 163, 164, 165, 166, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị K về việc yêu cầu hộ ông Lê Văn Q và bà Vũ Thị V phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 167,5 m^2, phần diện tích đất này giáp ranh với diện tích đất mà Nhà nước đã thu hồi 220m^2 để làm đường Nguyễn Tất T kéo dài, tại khu 3, phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ

Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị K đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 28/10/2019 mang tên ông Lê Văn Q, bà Vũ Thị V tại: Khu 3, phường Vân P, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

[3] Về chi phí tố tụng: Xác nhận phía nguyên đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng là: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Xác nhận phía bị đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng là: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

[4]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị K phải chịu 1.103.000 đồng (Một triệu một trăm linh ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Xác nhận chị K đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0009757 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ (Biên lai do ông Nguyễn Văn P nộp thay). Chị K còn phải nộp 803.000 đồng (Tám trăm linh ba nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị Lê Thị K phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị K đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số: AA/2020/0010047 ngày 21/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt T

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND T.Phú Thọ;
- Chi cục THADS TP. Việt T
- TAND TP. Việt T
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Điêu Thị Bích Lượt